

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về công tác
thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 5 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Huy hiệu, Kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh An Giang tại Tờ trình số 2010/TTr-SNV ngày 05 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- Các doanh nghiệp cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/2017/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung thi đua và phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng; quyền và nghĩa vụ của tập thể, gia đình và cá nhân tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; việc quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và một số nội dung như sau:

1. Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích để làm căn cứ xét khen thưởng và xét công nhận danh hiệu thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thủ trưởng đơn vị cấp tỉnh và tương đương đánh giá công nhận và chịu trách nhiệm.

2. Phải tổ chức họp xét, đánh giá phân loại cán bộ, công chức, người lao động trước và trên cơ sở đó bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết năm đối với cá nhân.

3. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

4. Không trình khen thưởng cấp nhà nước thành tích kinh tế - xã hội chung với giáo dục đào tạo; trừ trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất.

5. Đối với khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

6. Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn quy định không lấy danh hiệu thi đua để xét khen thưởng. Nếu sáng kiến của cá nhân đã được xem xét, công nhận để xét danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp, thì không lấy thành tích sáng kiến đó để làm căn cứ xét các hình thức khen thưởng. Tuy nhiên, nếu sáng kiến đó được ứng dụng rộng rãi trong thời gian dài và mang lại hiệu quả cao có thể xem xét để khen thưởng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88, Điều 89 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 76, 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Hành vi vi phạm, hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng và hành vi vi phạm, hình thức xử lý đối với người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng thực hiện theo Luật Tố tụng hành chính và Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Khiếu nại tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo Luật Khiếu nại và Luật tố cáo.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo; Tổ chức, kiểm tra, khen thưởng phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; chủ trì phối hợp với tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động phong trào, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, tôn vinh nhân rộng các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để giao lưu trao đổi, phổ biến kinh nghiệm nhân rộng các sáng kiến và mô hình hay.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua, chủ động phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng, thường xuyên tuyên truyền chủ

trương của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

4. Điều kiện về thời gian xét danh hiệu thi đua:

- a) Cá nhân có thời gian công tác liên tục 10 tháng trở lên; Đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 10 tháng trở lên;
- b) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao

động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “chiến sĩ tiên tiến”, riêng trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng trình độ sau đại học căn cứ vào kết quả bảng điểm học tập để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

d) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”;

đ) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

e) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do ban, ngành đoàn thể tỉnh hoặc tương đương căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là Hội đồng được cấp có thẩm quyền xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” ra quyết định công nhận.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt sáng kiến của tỉnh công nhận.

3. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

2. Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (đối với lực lượng vũ trang) phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

3. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng Xét duyệt sáng kiến của tỉnh xem xét và Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh công nhận.

4. Việc công nhận mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 13. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm và được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d Khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

3. Đối tượng được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”:

- a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Đơn vị trực thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh (có quy mô không quá 500 lao động)... và các tập thể trực thuộc như phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

c) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND cấp xã, phường, thị trấn;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng đối với các đơn vị trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

đ) Các phòng, trạm, trại, đội và các đơn vị trực thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương; các tổ, khối chuyên môn thuộc các trường học trong ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và đạt tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với tập thể tham gia cụm, khối thi đua, ngoài đạt tiêu chuẩn tại Khoản 1 Điều này, phải được xếp hạng ba trở lên của cụm, khối thi đua.

3. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” xét tặng cho tập thể cán bộ - chiến sĩ Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng công an chính quy), Bảo vệ dân phố thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” do tỉnh căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp lớn có quy mô từ 500 lao động trở lên), hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan đảng cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 15. Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc”

Đây là hình thức vinh danh doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh, hai năm bình chọn một lần được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 16. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh"

Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" được xét tặng cho các đơn vị, địa phương:

1. Đối với phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm phải đạt các tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành xuất sắc toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể trong tỉnh học tập; nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; tổ chức Đảng (nếu có) đạt trong sạch vững mạnh, các đoàn thể chính trị vững mạnh;

b) Được bình xét là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu cụm, khối thi đua của tỉnh; dẫn đầu cụm, khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; dẫn đầu cụm thi đua các bậc học thuộc ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh.

2. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề: Tặng đơn vị dẫn đầu các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

3. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để tặng Cờ thi đua cấp tỉnh phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức.

Điều 17. Danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu "Cờ Thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn cờ thi đua cấp tỉnh (các cụm khối thi đua tỉnh, ngành giáo dục và đào tạo, xã, phường, thị trấn).

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. "Cờ Thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của tỉnh;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

3. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua cấp tỉnh.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh", danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh do cụm khối thi đua tỉnh, cấp dưới trực tiếp (hoặc tương đương) đề nghị; xem xét trình Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Quỹ tín dụng nhân dân, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" cho tập thể người lao động và công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" cho người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại...

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Khóm, Ấp, Tổ dân phố văn hóa”, "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

5. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa”.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các loại hình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng loại hình khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc sẽ thực hiện việc khen thưởng đối với các trường hợp cụ thể như sau:

1. Gương người tốt việc tốt tiêu biểu toàn tỉnh;
2. Đóng góp lớn cho hoạt động xã hội từ thiện;
3. Đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn;

4. Lập chiến công lớn trong chiến đấu, có thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến đấu;

5. Giúp các địa phương khắc phục thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... có hiệu quả.

Điều 20. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

3. Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương (quy định tại các Khoản 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013) và “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” (quy định tại Khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013), thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: Trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm trở lên), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 21. Giấy khen

1. Đối tượng được tặng Giấy khen là tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất; đạt thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua (hoặc chuyên đề) và tổng kết năm công tác.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân: hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của

Đảng, pháp luật của Nhà nước; Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể: hoàn thành tốt nhiệm vụ; Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

c) Đối với hộ gia đình: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Có đóng góp rất lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc khen thưởng bằng hình thức Giấy khen đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức khác được quy định như sau:

a) Đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan Trung ương của các tổ chức này quy định;

b) Đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

c) Đối với các tổ chức khác do Chính phủ quy định.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng Giấy khen.

Điều 22. "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh"

1. "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh; đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian đó có hai sáng kiến được (Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở, ban ngành hoặc tương đương) công nhận áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực trong tỉnh;

c) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho đơn vị được cụm, khối thi đua bình xét xếp hạng nhì, ba (kể cả đồng hạng):

a) Nhì, ba cụm, khối thi đua tỉnh;

b) Nhì, ba (đơn vị thuộc ngành dọc tham gia khối thi đua cấp huyện);

c) Nhì, ba cụm thi đua cấp huyện (xã, phường, thị trấn).

4. "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho doanh nghiệp tư nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Khen thưởng các chương trình công tác: Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết... của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, có chủ trương khen thưởng tổng kết nhưng không có kế hoạch tổ chức thi đua, cơ quan tham mưu chính phải thống nhất với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp hướng dẫn khen thưởng về đối tượng, tiêu chí và hình thức khen, số lượng khen.

6. Khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện:

a) "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" để tặng cho tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản (quy đổi ra tiền) cho địa phương, xã hội, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn như sau:

- Đối với tập thể (hoặc hộ gia đình) có đóng góp từ 120 triệu đồng trở lên, đối với cá nhân từ 80 triệu đồng trở lên. Đối với Doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp số tiền đóng góp tương ứng là 200 và 150 triệu đồng trở lên. Trường hợp trong năm đã được tặng Bằng khen thì lần sau đóng góp phải cao hơn lần trước (ít nhất 20%);

- Đối với thành tích vận động, đóng góp ngày công lao động sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể (theo quy đổi giá trị ngày công ra tiền công).

b) Tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đóng góp cho địa phương nào, địa phương đó khen thưởng. Địa phương lập danh sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen khi tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đạt các yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này.

7. Khen thưởng hội thi, hội diễn, kỳ thi:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba toàn quốc;
- b) Đạt giải nhất, nhì khu vực;
- c) Đạt giải nhất, nhì toàn tỉnh.

Nếu trong hội thi, hội diễn, kỳ thi đã quy định mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt (hoặc kinh phí xã hội hóa) cao hơn mức thưởng "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" thì chỉ được tặng Bằng khen, kèm tiền thưởng của Ban Tổ chức hội thi, hội diễn, kỳ thi.

8. Khen thưởng cho học sinh giỏi đạt giải tại các kỳ thi và giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải thưởng được thực hiện theo quy định riêng của tỉnh.

Điều 23. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng đối tượng gia đình và doanh nhân, doanh nghiệp được xét khen theo tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

- + Đối tượng là gia đình nhân dân: đóng góp tương đương 1 tỷ đồng;
- + Đối tượng là gia đình doanh nhân tương đương 3 tỷ đồng.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho doanh nghiệp và doanh nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

- + Đối tượng là doanh nhân: đóng góp trên 2 tỷ đồng.
- + Đối tượng là doanh nghiệp: đóng góp trên 4 tỷ đồng;

Điều 24. “Huân chương Lao động” hạng ba

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 25. “Huân chương Lao động” hạng nhì

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 26. “Huân chương Lao động” hạng nhất

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 27. Khen thưởng quá trình công hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điểm 1, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 28. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác

Các hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương; các loại Huân chương bậc cao, Huy chương các hạng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh và khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng đối ngoại thực hiện theo các điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Huy hiệu “Vì sự nghiệp Xây dựng và Phát triển tỉnh An Giang”

Huy hiệu “Vì sự nghiệp Xây dựng và Phát triển tỉnh An Giang” để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thực hiện theo Điều 69 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang.

Điều 30. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen

1. Chủ tịch nước quyết định tặng Huân chương, Huy chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước", danh hiệu vinh dự Nhà nước.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen.
4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng Giấy khen.

Chương IV

THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 31. Quy định chung về thủ tục khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và một số nội dung sau:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét khen thưởng, lập hồ sơ trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.
2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các đối tượng điển hình thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt; chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình. Trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn tỉnh thì mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

3. Một số trường hợp khác thực hiện như sau:

a) Cụm, khối trưởng trình khen thưởng cho thành viên được cụm, khối bình chọn.

b) Người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích đóng góp cho tỉnh do sở, ban, ngành, cơ quan đã trực tiếp làm việc trao đổi thống nhất với các ngành có liên quan và trình khen thưởng.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.

d) Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; ... Công đoàn cơ sở và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên do Tổng Liên đoàn Lao động xét khen và trình khen.

đ) Các hội là tổ chức xã hội – nghề nghiệp thuộc địa phương, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

e) Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định thành lập, quyết định cổ phần hoá thì cấp đó quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

g) Đối với công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng tại địa phương nào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó trình khen thưởng.

Điều 32. Quy định về thủ tục hồ sơ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", Giải thưởng Nhà nước và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Báo cáo thành tích phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và bám sát tiêu chuẩn, điều kiện quy định. Đối với các sáng kiến, giải pháp phải nêu rõ tên đề tài sáng kiến giải pháp, tính mới, phân tích đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng, văn bản công nhận.

4. Những nội dung phải thể hiện trong báo cáo thành tích:

- a) Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;
- b) Tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, nội bộ đoàn kết, nhất trí;
- c) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân và người lao động theo quy định của pháp luật;
- d) Đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm (ghi rõ trích lục văn bản và nội dung xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).

5. Việc xác nhận nghĩa vụ nộp ngân sách.

Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, trong báo cáo thành tích phải thể hiện số liệu nộp ngân sách có so sánh so với cùng kỳ, hoặc giai đoạn trước, cam kết nộp đúng, nộp đủ và nộp đúng thời hạn; khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:

- a) Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; Đối với đơn vị có kiểm toán phải gửi kèm báo cáo kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng.
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
- c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

6. Hồ sơ trình khen ngành Giáo dục và Đào tạo đối với đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện phải được thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

Điều 33. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Cờ Thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh” khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, giáo dục và đào tạo gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng kèm theo danh sách (theo Mẫu 01/TĐKT kèm theo Quy chế này);
- b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, cụm, khối thi đua huyện, ngành tỉnh (theo Mẫu 02/TĐKT kèm theo Quy chế này);
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (theo Mẫu số 1, 2 kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

d) Báo cáo biên chế (theo Mẫu 05/TĐKT kèm theo Quy chế này) và văn bản kèm danh sách công nhận tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Kết quả chấm điểm xếp hạng của cụm, khối;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ cụm khối thi đua tỉnh đề nghị tặng 'Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh', "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc", gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cụm, khối trưởng;

b) Biên bản họp xét;

c) Kết quả chấm điểm xếp hạng và tóm tắt thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", gồm:

a) Tờ trình đề nghị công nhận đạt danh hiệu thi đua kèm danh sách (theo Mẫu 01/TĐKT kèm theo Quy chế này);

b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp (Mẫu 02/TĐKT kèm theo Quy chế này);

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét (theo Mẫu số 02 kèm theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP);

d) Báo cáo tóm tắt nội dung đề tài sáng kiến, giải pháp (theo Mẫu 04/TĐKT kèm theo Quy chế này);

đ) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở (theo Mẫu 03/TĐKT kèm theo Quy chế này);

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động", tặng thưởng Huân chương các loại; Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" có thành tích, công trạng, gồm:

a) Tờ trình kèm danh sách (theo Mẫu 01/TĐKT kèm theo Quy chế này);

b) Biên bản họp xét (theo Mẫu 02/TĐKT kèm theo Quy chế này); danh sách công nhận tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Báo cáo thành tích và tóm tắt thành tích (theo Mẫu số 1, 2, 4, 5,6 ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

d) Báo cáo tóm tắt nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực (theo Mẫu 04/TĐKT kèm theo Quy chế này);

Phải có trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến các cấp; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, tặng bằng khen, giấy khen phải gửi kèm bản sao các loại giấy đó thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, Xét duyệt sáng kiến các cấp.

đ) Số lượng hồ sơ:

- Danh hiệu "Anh hùng Lao động": 06 bộ (photocopy thêm 18 bộ);
- Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc": 03 bộ;
- Huân chương các loại: 05 bộ;
- "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ": 04 bộ;

5. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng phong trào, chuyên đề, đột xuất; khen thưởng tập thể, cá nhân người nước ngoài, tập thể, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng kèm danh sách (theo Mẫu 01/TĐKT kèm theo Quy chế này);

b) Biên bản họp xét (của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp, Ban chỉ đạo, Ban lãnh đạo) - theo Mẫu 02/TĐKT kèm theo Quy chế này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét; tóm tắt thành tích hoặc bản xác nhận thành tích nhân dân (theo Mẫu số 8, 9 ban hành kèm Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

d) Số lượng:

- "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh": 01 bộ;
- "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ": 04 bộ;
- Huân chương các loại: 04 bộ;

Số lượng hồ sơ trình khen cấp Nhà nước phải có nhiều bộ khác nhau tùy theo hình thức, danh hiệu thi đua và cấp độ khen. Trước mắt trình 1 bộ hồ sơ, sau khi được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ, trình đủ số lượng theo quy định. Các đơn vị trình phải gửi hồ sơ kể cả bằng file điện tử đối với báo cáo và tóm tắt thành tích dạng file word (định dạng: *.doc) và các hồ sơ khác gửi file scan (định dạng: *.pdf).

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến:

a) Tờ trình kèm danh sách (theo Mẫu 01/TĐKT kèm theo Quy chế này);

b) Báo cáo thành tích đề nghị tặng (truy tặng); Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong các tổ chức cơ quan đoàn thể (theo Mẫu số 3 ban hành kèm Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

c) Bản sao lý lịch đảng viên; Quyết định lương và Quyết định bổ nhiệm;

d) Số lượng: 03 bộ.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34: Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 35: Đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 36: Thanh tra, kiểm tra

Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 37. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng và Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp công tác, giải pháp hữu ích, ứng dụng công nghệ mới (gọi tắt là Hội đồng Xét duyệt sáng kiến). Hội đồng Xét duyệt sáng kiến công nhận sáng kiến bằng quyết định, thực hiện theo mẫu số 03/BTĐKT kèm theo Quy chế này.

Hội đồng Xét sáng kiến cấp cơ sở được thành lập để xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở hàng năm và để xét danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp huyện, sở, ngành và tương đương:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp huyện, sở ngành và tương đương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng sở, ngành và tương đương quyết định thành lập, xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp huyện, sở ngành và tương đương để làm cơ sở xét sáng kiến cấp mình và xét đề nghị sáng kiến cấp tỉnh.

3. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến tỉnh xét duyệt về phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả; công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh để công nhận sáng kiến cấp tỉnh, làm cơ sở xét đề nghị danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" và xét khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị (các cấp):

Do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương về công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, tổ chức tuyên truyền xây dựng điển hình, nhân rộng, phát huy tác dụng và giữ vững điển hình tiên tiến. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng; trong đó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc cán bộ phụ trách thi đua khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; cán bộ, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng ban chuyên môn.

5. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền và thực hiện chính sách khen thưởng.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

6. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 38. Tỷ lệ phiếu bầu xét khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân chỉ được khen thưởng, trình khen thưởng khi số phiếu bầu chọn của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có tỷ lệ:

a) Từ 90 % phiếu bầu trở lên đối với danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh";

b) Từ 85 % phiếu bầu trở lên đối với Huân chương các loại, "Cờ thi đua Chính phủ" (Riêng "Cờ thi đua của Chính phủ", nếu bình xét từ nhiều tập thể lấy một tập thể thì chọn tập thể có số phiếu bầu cao nhất);

c) Từ 80% trở lên đối với "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Cờ thi đua của UBND tỉnh" (Riêng Cờ thi đua của tỉnh nếu bình xét từ nhiều tập thể vị lấy một tập thể thì chọn tập thể có số phiếu bầu cao nhất); Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" và Danh hiệu "Doanh nhân xuất sắc"

d) Từ 75% trở lên đối với "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của UBND tỉnh", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"; Xét tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp Xây dựng và phát triển" tỉnh An Giang.

đ) Từ 70% trở lên đối với "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Chiến sỹ tiên tiến".

2. Đối với khen thưởng thành tích đột xuất, Thủ trưởng đơn vị có thể chủ động tặng Giấy khen theo thẩm quyền, trình cấp trên xem xét khen thưởng khi có sự thống nhất trong tập thể lãnh đạo.

3. Đối với khen thưởng các chương trình công tác, các trường hợp đề nghị tặng "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" trở lên phải có sự thống nhất của Ban chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc Ban lãnh đạo theo tỉ lệ quy định cho hình thức khen.

Điều 39. Tỷ lệ xét khen thưởng

1. Tỷ lệ xét khen thưởng tổng kết năm:

- "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh": Không quá 50% trong số đủ điều kiện tại đơn vị trình khen.

- Khen cấp Nhà nước: Không quá 50% trong số đủ điều kiện.

Những đơn vị trong năm có tập thể trực thuộc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên không được xét khen thưởng.

2. Tỷ lệ khen thưởng cụm, khối thi đua:

a) Cụm, khối thi đua cấp tỉnh:

- "Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh": Không quá 15% tổng số thành viên đăng ký thi đua.

- "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh": Không quá 45% tổng số thành viên.

b) Cụm, khối thi đua cấp cơ sở:

- "Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh" chỉ tặng cho đơn vị dẫn đầu; số lượng Cờ thi đua ngành giáo dục và đào tạo thực hiện theo Công văn số 2183/UBND-SNV ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen của UBND tỉnh": Không quá 40% tổng số thành viên.

c) Đối với đơn vị có điều kiện nhưng chưa tổ chức thi đua theo cụm, khối (căn cứ hướng dẫn thi đua theo cụm, khối hiện hành của tỉnh) thì Ban Thi đua – Khen thưởng (Sở Nội vụ) chỉ xét khen thưởng cho cá nhân, đơn vị trực thuộc và tập thể nhỏ thuộc cơ quan đó, số lượng khen không vượt quá 30% tổng số tập thể trực thuộc và cá nhân đủ tiêu chuẩn.

3. Các chương trình công tác do sở, ban, ngành quản lý phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với số lượng Bằng khen không quá 15 tập thể, cá nhân (trừ các chuyên đề có phạm vi ảnh hưởng rộng, quy mô lớn). Hướng dẫn khen thưởng cần chú ý:

a) Chọn khen thưởng cá nhân, tập thể nhỏ điển hình;

b) Trong một năm xét tặng không quá hai Bằng khen đối với tập thể, một Bằng khen đối với cá nhân (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất);

c) Cá nhân xét đề nghị khen thưởng phải có trên nửa thời gian tham gia chương trình công tác đó;

d) Khen thưởng tổng kết chuyên đề, chương trình công tác... chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khi đề nghị bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 40. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ trước khi trình quyết định khen thưởng.

2. Đối tượng hiệp y là tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp phải lấy ý kiến của ngành cấp tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng lấy ý kiến hiệp y gồm: "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại, danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

Điều 41. Hồ sơ hiệp y khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị hiệp y gồm:

a) Công văn đề nghị hiệp y khen thưởng của thủ trưởng cơ quan;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng (có xác nhận, ký tên và đóng dấu của thủ trưởng cơ quan);

c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

Chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các trường hợp phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy (căn cứ lịch họp), sau 01 ngày nhận được ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp ý.

Điều 42. Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp Nhà nước xét khen thưởng

1. Đối tượng xin ý kiến là cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý;

2. Các hình thức khen thưởng phải xin ý kiến: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiên sỹ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

Điều 43. Quy định về trình khen thưởng, mức khen thưởng

1. Trong một năm, không vừa trình danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (cấp tỉnh và cấp nhà nước) cho cùng một đối tượng.

(Ví dụ: Đối với cấp tỉnh vừa trình khen BK.UBND tỉnh và CSTĐ cấp tỉnh; Đối với cấp nhà nước vừa trình BK.TTCP và CSTĐ Toàn quốc hoặc vừa trình Huân chương các loại và CSTĐ Toàn quốc).

2. Mức khen: Tiêu chuẩn khen thưởng trong Luật Thi đua, khen thưởng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP quy định cụ thể cho từng mức hạng, từng loại hình thành tích tương ứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương ứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao.

Điều 44. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng

1. Thời hạn trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

a) Khen thưởng thành tích đột xuất, chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm: Các ngày làm việc trong năm.

b) Khen thưởng tổng kết năm:

- Tặng thưởng Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh; công nhận danh hiệu "Chiên sỹ thi đua cấp tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc" về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội: Trước ngày 15/3 năm sau.

- Khen thưởng thành tích năm học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tập thể thuộc ngành giáo dục và đào tạo: Trước ngày 15/7 hàng năm.

c) Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề: Sau khi kết thúc chuyên đề theo kế hoạch được duyệt.

2. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Đề nghị Danh hiệu Anh hùng: trình khen trong tháng 12 năm trước đến 10/01 năm sau;

b) Đề nghị Cờ thi đua của chính phủ: Về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trước ngày 15/02, hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 15/8.

c) Đề nghị "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, khen thưởng quá trình công hiến: Trước ngày 15/4 hàng năm.

d) Đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" (kể cả ngành giáo dục và đào tạo); đề nghị tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, Huân chương "Đại đoàn kết dân tộc", khen thưởng quá trình công hiến: Trước 30/7 hàng năm.

đ) Đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và khen thưởng kháng chiến tồn đọng khi có hồ sơ đủ điều kiện.

Điều 45. Thời gian thẩm định hồ sơ và xét khen thưởng

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ khen thưởng sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

Đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" và "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh" (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ):

a) Không quá 04 ngày làm việc: Đối với khen thưởng đột xuất;

b) Không quá 05 ngày làm việc: Đối với hồ sơ đề nghị có dưới 15 tập thể, cá nhân, không quá 10 ngày làm việc đối với hồ sơ có số lượng đề nghị 15 tập thể, cá nhân trở lên;

c) Thêm 05 ngày làm việc đối với hồ sơ khen cần phải lấy ý kiến các ngành có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", khen thưởng cấp Nhà nước thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt theo trình tự thời gian như sau:

a) Đợt 1:

Trong tháng 1 (vào năm Đại hội Thi đua toàn quốc): Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng vào tháng 1 và trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương vào tháng 2.

Trong tháng 2: Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét "Cờ thi đua Chính phủ"; trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương vào tháng 3.

b) Đợt 2:

Trong tháng 4: Thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh xét sáng kiến cấp tỉnh, xét sáng kiến "Chiến sỹ thi đua tỉnh";

Trong tháng 5: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xét danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại về kinh tế - xã hội, khen thưởng quá trình công hiến.

Trong tháng 6 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương

c) Đợt 3:

Trong tháng 8: Thông qua Hội đồng Xét sáng kiến tỉnh xét sáng kiến cấp tỉnh, xét sáng kiến "Chiến sỹ thi đua tỉnh", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc";

Trong tháng 9: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị xét "Cờ thi đua Chính phủ", đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xét danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, xét đề nghị tặng Huân chương Đại đoàn kết.

Trước 15 tháng 10 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 46. Quy định về biểu mẫu

Mỗi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau, khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cần báo cáo đúng biểu mẫu, bám sát tiêu chuẩn khen thưởng, tóm tắt sáng kiến đề tài hiệu quả và văn bản công nhận.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng, báo cáo cần làm rõ đủ điều kiện và thành tích. Thành tích tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, có số liệu so sánh, chứng minh.

1. Thực hiện 09 mẫu báo cáo thành tích theo phụ lục của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các biểu mẫu khác về lập hồ sơ trình khen thưởng thực hiện theo phụ lục Bộ thủ tục hành chính của Sở Nội vụ:

a) Mẫu số 1/TĐKT: Tờ trình;

b) Mẫu số 2/TĐKT: Biên bản họp xét;

c) Mẫu số 3/TĐKT: Quyết định công nhận sáng kiến;

d) Mẫu số 4/TĐKT: Báo cáo tóm tắt về nội dung các đề tài, sáng kiến, kinh nghiệm, các giải pháp hiệu quả của Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và Chiến sỹ thi đua toàn quốc;

đ) Mẫu số 5/TĐKT: Báo cáo biên chế và kết quả khen tập thể cá nhân trực thuộc đơn vị;

e) Mẫu số 6/TĐKT : Đơn xin điều chỉnh mức khen kháng chiến.

3. Các biểu mẫu cấp đổi hiện vật khen thưởng: Thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/NĐ-CP/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương;

mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

- a) Mẫu 4.1a: Công văn cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể;
- b) Mẫu 4.1b: Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân;
- c) Mẫu 4.2a: Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể;
- d) Mẫu 4.2b: Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân;
- đ) Mẫu 4.3: Danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng;
- e) Mẫu 4.4: Danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng;

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Mục 1

LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 47. Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ

Điều 48. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên.

b) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

c) Quỹ thi đua khen thưởng của cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các huyện đồng bằng, thành phố và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân

sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Sở Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 49. Sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng trong quy định này được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; chi cho công tác thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến...

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc

hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Cá nhân, tập thể người Việt Nam, Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài, được khen thưởng về thành tích ủng hộ vật chất kinh phí sẽ không chi tiền thưởng mà thay bằng tặng phẩm lưu niệm.

Điều 50. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 2 MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 51: Nguyên tắc tính tiền thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 52: Mức tiền thưởng Thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 53: Các quyền lợi khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 54. Việc tuyên truyền cho thi đua, khen thưởng

Các cơ quan thông tin, báo, đài thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về công tác thi đua, khen thưởng, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt để cổ vũ, nhân rộng phong trào. Kịp thời phát hiện, biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc và phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 55. Đăng ký thi đua và đăng ký xét khen thưởng hàng năm

1. Việc đăng ký thi đua mang ý nghĩa tham gia thi đua để được cấp tổ chức theo dõi đánh giá thi đua, được xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Đăng ký thi đua với cấp tổ chức thi đua bằng văn bản với nội dung phân đấu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua hoặc nội dung thi đua của cấp tổ chức thi đua đã đề ra.

2. Đối với thi đua thường xuyên, ngoài đăng ký để tham gia thi đua còn đăng ký xét khen thưởng. Mỗi tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua của năm còn có thể đủ điều kiện, đạt thành tích để được xem xét ở danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn.

3. Hàng năm, trước ngày 10 tháng 02 hàng năm, các cụm khối thi đua tỉnh báo cáo danh sách các thành viên đăng ký thi đua và danh sách đăng ký xét "Cờ thi đua của UBND tỉnh", "Cờ thi đua của Chính phủ".

Điều 56. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị thủ trưởng cơ quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh" và "Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh", tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh An Giang" cho các cá nhân, tập thể thuộc ngành, địa phương mình quản lý. Xét đề nghị khen cấp nhà nước theo thẩm quyền.

Điều 57. Lễ trao tặng

Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng, Huân chương, Huy chương, danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; phải đảm bảo tổ chức trang trọng và tiết kiệm.

Điều 58. Mẫu bằng công nhận danh hiệu thi đua

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

Điều 59. Thông báo kết quả khen thưởng.

1. Căn cứ Điều 48, khoản 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc (kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có văn bản gửi đến), Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

3. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) phải thông báo và trả hồ sơ cho cơ quan trình khen.

Điều 60. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở theo quy định hiện hành để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ Quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức:

a) Tập văn bản về thi đua, khen thưởng gửi chung đến các cơ quan (gọi chung là hồ sơ nguyên tắc): Lưu trữ đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành.

b) Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng: Lưu trữ vĩnh viễn.

c) Hồ sơ hội nghị thi đua do cơ quan chủ trì tổ chức: Lưu trữ vĩnh viễn.

d) Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng:

- Dài hạn, hàng năm: Lưu trữ vĩnh viễn.

- 6 tháng, 9 tháng: Lưu trữ 20 năm.

- Quý, tháng: Lưu trữ 5 năm.

đ) Hồ sơ tổ chức thực hiện phong trào thi đua nhân các dịp kỷ niệm: Lưu trữ 10 năm.

e) Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân:

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ: Lưu trữ vĩnh viễn.

- Các hình thức khen thưởng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và tương đương: Lưu trữ 20 năm.

- Các hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Lưu trữ 10 năm.

g) Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài: Lưu trữ vĩnh viễn.

h) Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng: Lưu trữ 10 năm.

Điều 61. Hướng dẫn tổ chức, thực hiện Quy chế

1. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp cùng cấp triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này; đẩy mạnh sâu rộng các phong trào thi đua, qua đó phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo đúng quy định.

3. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo tổng kết năm trước ngày 30 tháng 12 hàng năm về kết quả thực hiện phong trào thi đua, nêu rõ các phong trào thi đua mới đã mang lại hiệu quả; giới thiệu các điển hình tiên tiến và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp.

Căn cứ Quy chế của tỉnh các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn thực hiện chi tiết phù hợp với thực tế đơn vị để thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh